DANH SÁCH HS KHỐI 10 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 01

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000001	Phan Hải An	11/01/2009	10A1			
2	000002	Trương Hoàng An	09/03/2009	10A3			
3	000003	Nguyễn Bảo Anh	16/02/2009	10A4			
4	000004	Cao Ngọc Anh	22/04/2009	10A11			
5	000005	Huỳnh Nguyễn Hoàng Anh	25/08/2009	10A4			
6	000006	Ngô Nguyễn Tuấn Anh	30/07/2009	10A6			
7	000007	Lê Quốc Anh	13/11/2009	10A9			
8	000008	Lâm Quỳnh Anh	15/03/2009	10A7			
9	000009	Nguyễn Văn Lan Anh	12/10/2009	10A2			
10	000010	Trần Thị Ngọc Ánh	21/06/2009	10A2			
11	000011	Trịnh Thị Nguyệt Ánh	11/10/2009	10A6			
12	000012	Đặng Ngọc Thiên Ân	09/03/2009	10A5			
13	000013	Hà Thiên Ân	01/01/2009	10A6			
14	000014	Nguyễn Xuân Bách	18/09/2009	10A11			
15	000015	Nguyễn Võ Kim Bàng	05/03/2009	10A1			
16	000016	Bùi Đặng Gia Bảo	23/10/2009	10A10			
17	000017	Nguyễn Đình Gia Bảo	27/11/2009	10A11			
18	000018	Huỳnh Gia Bảo	04/12/2009	10A7			
19	000019	Lê Gia Bảo	25/02/2009	10A2			
20	000020	Lê Gia Bảo	16/07/2009	10A9			
21	000021	Lê Gia Bảo	17/01/2009	10A11			
22	000022	Nguyễn Gia Bảo	25/09/2009	10A3			
23	000023	Nguyễn Gia Bảo	04/07/2009	10A8			
24	000024	Phạm Gia Bảo	23/11/2009	10A6			

DANH SÁCH HS KHỐI 10 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 02

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000025	Trần Gia Bảo	14/03/2009	10A9			
2	000026	Trương Kim Bảo	20/01/2009	10A2			
3	000027	Nguyễn Quốc Bảo	10/07/2009	10A8			
4	000028	Lê Văn Bảo	18/03/2009	10A4			
5	000029	Hồ Vũ Gia Bảo	19/03/2009	10A1			
6	000030	Lê Nguyễn Hoài Băng	30/06/2009	10A9			
7	000031	Phan Phước Hoài Băng	20/12/2009	10A9			
8	000032	Nguyễn Vân Huyền Băng	30/12/2009	10A2			
9	000033	Lữ Thư Bình	23/07/2009	10A3			
10	000034	Phan Xuân Cảnh	25/04/2009	10A3			
11	000035	Trần Công Chánh	12/02/2009	10A3			
12	000036	Ngô Bảo Châu	09/06/2009	10A7			
13	000037	Phan Nguyễn Tấn Châu	08/11/2009	10A10			
14	000038	Phí Thùy Châu	01/05/2009	10A10			
15	000039	Nguyễn Trần Minh Châu	06/01/2009	10A2			
16	000040	Lê Vũ Minh Châu	02/11/2009	10A10			
17	000041	Trần Phi Cơ	04/10/2009	10A4			
18	000042	Đỗ Tâm Danh	19/09/2009	10A8			
19	000043	Trần Thành Danh	02/12/2009	10A8			
20	000044	Nguyễn Hoàng Di	12/05/2009	10A11			
21	000045	Phan Thị Ngọc Diệp	18/05/2009	10A8			
22	000046	Phạm Ngọc Diệu	19/02/2009	10A5			
23	000047	Nguyễn Thị Thùy Dung	29/01/2009	10A6			
24	000048	Phạm Minh Dũng	24/08/2009	10A7			

DANH SÁCH HS KHỐI 10 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 03

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000049	Văn Dương Tiến Duy	09/07/2009	10A8			
2	000050	Huỳnh Hà Duy	04/01/2009	10A1			
3	000051	Nguyễn Quốc Duy	04/05/2009	10A3			
4	000052	Nguyễn Võ Ngọc Duy	22/08/2009	10A2			
5	000053	Nguyễn Đoàn Kỳ Duyên	04/11/2009	10A8			
6	000054	Phùng Nhân Duyên	09/09/2009	10A11			
7	000055	Bùi Hiển Dương	26/06/2009	10A8			
8	000056	Đỗ Hoàng Nhật Dương	19/03/2009	10A7			
9	000057	Võ Huỳnh Hướng Dương	11/05/2009	10A2			
10	000058	Võ Thị Kim Đài	31/12/2009	10A1			
11	000059	Dương Phạm Gia Đại	03/06/2009	10A3			
12	000060	Lê Quốc Đại	26/06/2009	10A9			
13	000061	Nguyễn Trọng Đại	24/02/2009	10A4			
14	000062	Nguyễn Hoàng Mai Đan	19/03/2009	10A4			
15	000063	Võ Nguyễn Quỳnh Đan	13/07/2009	10A3			
16	000064	Lê Thùy Linh Đan	27/09/2009	10A4			
17	000065	Nguyễn Thùy Linh Đan	07/02/2009	10A6			
18	000066	Lương Duy Đạt	10/10/2009	10A3			
19	000067	Nguyễn Phát Đạt	13/10/2009	10A10			
20	000068	Nguyễn Phong Đạt	09/02/2009	10A11			
21	000069	Nguyễn Tiến Đạt	23/10/2009	10A9			
22	000070	Võ Lương Khánh Đoan	05/11/2009	10A3			
23	000071	Võ Thành Đô	08/09/2009	10A5			
24	000072	Lê Quý Đôn	26/07/2009	10A6			

DANH SÁCH HS KHỐI 10 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 04

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000073	Đinh Phước Đại Đồng	05/05/2009	10A10			
2	000074	Nguyễn Hoàng Gia	10/08/2009	10A9			
3	000075	Nguyễn Nhật Gia	02/11/2009	10A1			
4	000076	Bùi Thị Thu Giang	18/10/2009	10A6			
5	000077	Nguyễn Triều Giang	10/04/2009	10A6			
6	000078	Huỳnh Khánh Ngọc Hà	15/12/2009	10A11			
7	000079	Nguyễn Thị Thu Hà	30/07/2009	10A7			
8	000080	Huỳnh Thiên Hải	21/10/2009	10A10			
9	000081	Nguyễn Lê Hồng Hạnh	22/03/2009	10A4			
10	000082	Lê Phạm Phương Hạnh	01/07/2009	10A3			
11	000083	Huỳnh Kiến Hào	07/11/2009	10A2			
12	000084	Lê Nhật Hào	04/07/2009	10A2			
13	000085	Ngô Trương Hạo	16/02/2009	10A11			
14	000086	Lê Mỹ Hằng	10/12/2009	10A5			
15	000087	Trương Gia Hân	29/03/2009	10A11			
16	000088	Lê Huỳnh Tiểu Hân	13/02/2009	10A7			
17	000089	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	16/08/2007	10A5			
18	000090	Lê Ngọc Gia Hân	07/11/2009	10A1			
19	000091	Huỳnh Ngọc Hân	08/07/2009	10A7			
20	000092	Võ Phương Hân	27/06/2009	10A7			
21	000093	Lê Thị Thúy Hân	30/06/2009	10A4			
22	000094	Lê Thúy Hân	22/04/2009	10A8			
23	000095	Nguyễn Huỳnh Thái Mỹ Hiền	27/12/2009	10A3			
24	000096	Nguyễn Thị Thu Hiền	19/10/2009	10A1			

DANH SÁCH HS KHỐI 10 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 05

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000097	Lỗ Quang Hiển	17/06/2009	10A1			
2	000098	Lê Đức Hiếu	07/04/2009	10A6			
3	000099	Nguyễn Đức Hiếu	08/04/2009	10A6			
4	000100	Huỳnh Minh Hiếu	24/11/2009	10A11			
5	000101	Võ Ngọc Hiếu	31/08/2009	10A10			
6	000102	Đinh Thanh Hiếu	21/05/2009	10A4			
7	000103	Huỳnh Trung Hiếu	22/08/2009	10A8			
8	000104	Nguyễn Trung Hiếu	04/06/2009	10A2			
9	000105	Nguyễn Thanh Huy Hmok	05/10/2009	10A10			
10	000106	Lê Đặng Hoàng Hoa	30/04/2009	10A5			
11	000107	Hà Thuý Hoa	25/11/2009	10A9			
12	000108	Lê Phạm Mỹ Hoà	18/07/2009	10A11			
13	000109	Cao Bích Hoài	22/04/2009	10A4			
14	000110	Nguyễn Thanh Hoang	11/10/2009	10A11			
15	000111	Trần Lê Gia Hoàng	13/03/2009	10A5			
16	000112	Đặng Minh Hoàng	13/06/2009	10A8			
17	000113	Nguyễn Minh Hoàng	01/01/2009	10A8			
18	000114	Nguyễn Ngọc Hoàng	02/12/2009	10A8			
19	000115	Lê Nhật Hoàng	09/09/2009	10A8			
20	000116	Huỳnh Quốc Hoàng	31/01/2009	10A1			
21	000117	Phạm Trọng Hoàng	23/02/2009	10A7			
22	000118	Đinh Việt Hoàng	03/10/2009	10A10			
23	000119	Phan Viết Học	28/05/2009	10A2			
24	000120	Lê Huỳnh Khánh Hội	13/07/2009	10A10			

DANH SÁCH HS KHỐI 10 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 06

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000121	Đào Trần Thảo Hội	26/05/2009	10A4			
2	000122	Võ Thị Nhân Hợp	17/05/2009	10A4			
3	000123	Trần Viết Hùng	18/10/2009	10A8			
4	000124	Trần Bảo Huy	22/01/2009	10A4			
5	000125	Lê Chí Huy	12/12/2009	10A4			
6	000126	Nguyễn Đức Huy	14/10/2009	10A4			
7	000127	Lê Gia Huy	10/12/2009	10A5			
8	000128	Trần Hoàng Nhật Huy	07/12/2009	10A10			
9	000129	Võ Hoàng Xuân Huy	25/11/2009	10A1			
10	000130	Nguyễn Lê Quang Huy	15/06/2009	10A4			
11	000131	Bùi Nguyễn Gia Huy	30/06/2009	10A1			
12	000132	Lê Nhất Huy	10/06/2009	10A9			
13	000133	Đào Nhật Huy	28/07/2009	10A2			
14	000134	Nguyễn Tôn Nhật Huy	01/10/2009	10A1			
15	000135	Phạm Huỳnh Khánh Huyền	18/04/2009	10A3			
16	000136	Nguyễn Khánh Huyền	04/08/2009	10A3			
17	000137	Huỳnh Ngọc Thanh Huyền	06/10/2009	10A6			
18	000138	Nguyễn Ngọc Thanh Huyền	01/01/2009	10A5			
19	000139	Tô Mạnh Huynh	15/04/2009	10A4			
20	000140	Nguyễn Duy Hưng	25/12/2009	10A4			
21	000141	Nguyễn Đăng Hưng	05/11/2009	10A7			
22	000142	Trần Khải Hưng	10/12/2009	10A11			
23	000143	Lê Khánh Hưng	31/12/2009	10A2			
24	000144	Văn Phạm Quốc Hưng	02/09/2009	10A2			

DANH SÁCH HS KHỐI 10 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 07

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000145	Lưu Thành Hưng	17/06/2009	10A4			
2	000146	Trần Mai Hương	24/09/2009	10A5			
3	000147	Mai Ngọc Liên Hương	25/08/2009	10A6			
4	000148	Nguyễn Thảo Quỳnh Hương	29/10/2009	10A8			
5	000149	Phan Thị Bích Hương	24/06/2009	10A3			
6	000150	Trương Thị Diễm Hương	28/11/2009	10A5			
7	000151	Phạm Trương Quỳnh Hương	19/06/2009	10A5			
8	000152	Trần Gia Thiên Hữu	01/07/2009	10A4			
9	000153	Nguyễn Bùi Thuận Khang	09/11/2009	10A11			
10	000154	Bùi Diệp Chấn Khang	09/06/2009	10A1			
11	000155	Lê Duy Khang	28/10/2009	10A7			
12	000156	Hồ Gia Khang	19/08/2009	10A10			
13	000157	Trịnh Hoàng Gia Khang	28/10/2009	10A2			
14	000158	Phạm Nguyễn Phúc Khang	19/02/2009	10A1			
15	000159	Lưu Phạm Thành Khang	12/11/2009	10A8			
16	000160	Nguyễn Quốc Khang	09/03/2009	10A11			
17	000161	Ngô Việt Khang	07/08/2009	10A2			
18	000162	Mai Phương Khanh	24/12/2009	10A6			
19	000163	Hồ Gia Khánh	19/08/2009	10A10			
20	000164	Nguyễn Gia Khánh	11/06/2009	10A1			
21	000165	Huỳnh Kim Khánh	16/05/2009	10A9			
22	000166	Đặng Lê Duy Khánh	25/05/2009	10A1			
23	000167	Lê Bá Khâm	23/05/2009	10A3			
24	000168	Trần Anh Khoa	11/09/2009	10A10			

DANH SÁCH HS KHỐI 10 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 08

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000169	Nguyễn Nhật Duy Khoa	19/08/2009	10A9			
2	000170	Nguyễn Quốc Khoa	12/07/2009	10A5			
3	000171	Dương Đăng Khôi	02/02/2009	10A10			
4	000172	Nguyễn Hoàng Khôi	10/02/2009	10A2			
5	000173	Trần Văn Anh Khôi	19/10/2009	10A2			
6	000174	Đoàn Phan Anh Khuê	06/08/2009	10A5			
7	000175	Đỗ Huỳnh Như Khương	06/03/2009	10A9			
8	000176	Huỳnh Chí Kiên	21/02/2009	10A4			
9	000177	Nguyễn Chí Kiên	29/05/2009	10A2			
10	000178	Trần Kiên	05/11/2009	10A10			
11	000179	Trần Anh Kiệt	24/10/2009	10A3			
12	000180	Trần Gia Kiệt	30/04/2007	10A11			
13	000181	Đỗ Tấn Kiệt	27/11/2009	10A3			
14	000182	Trương Thế Kiệt	04/01/2009	10A9			
15	000183	Nguyễn Tuấn Kiệt	07/03/2009	10A8			
16	000184	Phạm Tuấn Kiệt	26/12/2009	10A2			
17	000185	Lê Mai Phương Kiều	14/02/2009	10A6			
18	000186	Nguyễn Hoàng Thiên Kim	04/12/2009	10A4			
19	000187	Phạm Ngọc Kin	01/02/2009	10A4			
20	000188	Phạm Trọng Kính	01/04/2009	10A4			
21	000189	Nguyễn Minh Kỳ	12/11/2009	10A6			
22	000190	Ngô Trường Kỳ	29/01/2009	10A6			
23	000191	Nguyễn Trần Yên Lam	05/12/2009	10A8			
24	000192	Dương Bùi Ngọc Lanh	16/12/2009	10A5			

DANH SÁCH HS KHỐI 10 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 09

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000193	Bùi Bảo Linh	28/06/2009	10A1			
2	000194	Đỗ Hoàng Phương Linh	10/11/2009	10A4			
3	000195	Lương Hồng Ngọc Linh	20/03/2009	10A1			
4	000196	Lương Huỳnh Mỹ Linh	14/06/2009	10A5			
5	000197	Huỳnh Khánh Linh	10/06/2009	10A2			
6	000198	Nguyễn Thị Diệu Linh	28/05/2009	10A6			
7	000199	Nguyễn Thị Trúc Linh	12/12/2009	10A8			
8	000200	Nguyễn Thụy Yến Linh	19/05/2009	10A7			
9	000201	Trần Trình Kiều Linh	05/08/2009	10A6			
10	000202	Lê Hồng Lĩnh	18/05/2009	10A11			
11	000203	Nguyễn Bảo Long	24/12/2009	10A2			
12	000204	Phạm Đại Long	09/02/2009	10A5			
13	000205	Vũ Gia Long	12/05/2009	10A3			
14	000206	Đặng Hồng Long	06/09/2009	10A6			
15	000207	Hồ Lê Hoàng Long	14/03/2009	10A2			
16	000208	Trần Gia Lộc	24/12/2009	10A2			
17	000209	Bùi Tấn Lộc	26/08/2009	10A4			
18	000210	Đỗ Quốc Lực	31/07/2009	10A3			
19	000211	Đỗ Nguyễn Trúc Ly	12/07/2009	10A7			
20	000212	Nguyễn Ngọc Mạnh	25/10/2009	10A5			
21	000213	Hàn Gia Mẫn	15/08/2009	10A11			
22	000214	Huỳnh Nữ Gia Mẫn	23/11/2009	10A7			
23	000215	Trần Triệu Mẫn	06/07/2009	10A5			
24	000216	Huỳnh Thị Trà Mi	14/08/2009	10A10			

DANH SÁCH HS KHỐI 10 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 10

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000217	Phạm Bình Minh	31/08/2009	10A11			
2	000218	Võ Cao Minh	29/07/2009	10A6			
3	000219	Trần Hoàng Diệu Minh	13/08/2009	10A1			
4	000220	Phạm Văn Minh	30/01/2009	10A10			
5	000221	Võ Diệu Thanh My	03/12/2009	10A2			
6	000222	Nguyễn Diệu Thảo My	22/07/2009	10A2			
7	000223	Nguyễn Hoàng Tuyết My	08/10/2009	10A3			
8	000224	Nguyễn Hồ Diệu My	09/10/2009	10A9			
9	000225	Bùi Nguyễn Thục My	11/01/2009	10A6			
10	000226	Nguyễn Thảo My	28/06/2009	10A4			
11	000227	Phan Thị Kiều My	10/09/2009	10A1			
12	000228	Nguyễn Triệu Khánh My	30/11/2009	10A3			
13	000229	Trương Hồng Na	11/11/2009	10A10			
14	000230	Trần Ly Na	11/12/2009	10A5			
15	000231	Nguyễn Trương Ni Na	19/05/2009	10A8			
16	000232	Trần Bảo Nam	20/01/2009	10A4			
17	000233	Ngô Đoàn Hải Nam	11/06/2009	10A3			
18	000234	Nguyễn Hạo Nam	04/10/2009	10A5			
19	000235	Võ Hoàng Bảo Nam	24/04/2009	10A3			
20	000236	Nguyễn Hoàng Nam	03/10/2009	10A9			
21	000237	Nguyễn Thị Kim Nga	05/11/2009	10A9			
22	000238	Nguyễn Thị Ngọc Nga	21/11/2009	10A3			
23	000239	Nguyễn Đỗ Ngọc Thanh Ngân	22/04/2009	10A8			
24	000240	Trần Ngọc Khánh Ngân	04/05/2009	10A4			

DANH SÁCH HS KHỐI 10 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 11

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000241	Vũ Nguyễn Châu Ngân	27/10/2009	10A8			
2	000242	Phan Thị Bích Ngân	07/05/2009	10A5			
3	000243	Nguyễn Thị Kim Ngân	01/03/2009	10A7			
4	000244	Trần Thị Kim Ngân	08/01/2009	10A1			
5	000245	Phan Trinh Khánh Ngân	03/12/2009	10A7			
6	000246	Trương Lương Gia Nghĩa	16/04/2009	10A9			
7	000247	Cao Văn Nghĩa	09/06/2009	10A10			
8	000248	Dương Ánh Ngọc	26/09/2009	10A6			
9	000249	Nguyễn Ánh Ngọc	11/06/2009	10A2			
10	000250	Hồ Bảo Ngọc	30/09/2009	10A7			
11	000251	Nguyễn Đoàn Như Ngọc	11/04/2009	10A4			
12	000252	Nguyễn Hoài Ngọc	30/06/2009	10A7			
13	000253	Dương Khánh Ngọc	13/12/2009	10A9			
14	000254	Đặng Lâm Khánh Ngọc	08/08/2009	10A2			
15	000255	Trần Nguyễn Bảo Ngọc	20/11/2009	10A10			
16	000256	Bùi Nguyễn Kiều Ngọc	13/10/2009	10A9			
17	000257	Hồ Như Ngọc	30/09/2009	10A7			
18	000258	Huỳnh Trương Tú Ngọc	19/12/2009	10A3			
19	000259	Võ Tú Ngọc	26/10/2009	10A1			
20	000260	Trần Vương Ngọc	04/09/2009	10A2			
21	000261	Trần Bá Nguyên	13/05/2009	10A10			
22	000262	Nguyễn Chí Nguyên	06/06/2009	10A1			
23	000263	Võ Chí Nguyên	23/08/2009	10A9			
24	000264	Nguyễn Khánh Nguyên	30/05/2009	10A2			

DANH SÁCH HS KHỐI 10 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 12

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000265	Nguyễn Ngọc Kim Nguyên	22/04/2009	10A1			
2	000266	Lê Nguyễn Trọng Nguyên	08/03/2009	10A10			
3	000267	Nguyễn Nhất Nguyên	14/03/2009	10A10			
4	000268	Lê Quốc Nguyên	31/10/2009	10A10			
5	000269	Trương Thảo Nguyên	16/06/2009	10A8			
6	000270	Võ Thảo Nguyên	03/09/2009	10A8			
7	000271	Phạm Trí Nguyên	29/01/2009	10A9			
8	000272	Lê Trịnh Thảo Nguyên	17/11/2009	10A3			
9	000273	Trần Trọng Nhật Nguyên	22/12/2009	10A11			
10	000274	Nguyễn Vi Thảo Nguyên	23/08/2009	10A4			
11	000275	Lê Chí Nguyễn	21/08/2009	10A10			
12	000276	Bùi Thị Phương Nhanh	27/04/2009	10A3			
13	000277	Nguyễn Lê Nhân	30/06/2009	10A11			
14	000278	Lê Quý Nhân	28/01/2009	10A8			
15	000279	Phạm Hùng Nhật	04/11/2009	10A11			
16	000280	Nguyễn Minh Nhật	28/03/2009	10A10			
17	000281	Nguyễn Hoàng Ý Nhi	02/12/2009	10A5			
18	000282	Phạm Hoàng Yến Nhi	23/03/2009	10A11			
19	000283	Mã Lê Yến Nhi	12/04/2009	10A8			
20	000284	Trần Ngọc Thiên Nhi	29/11/2009	10A9			
21	000285	Nguyễn Ngọc Uyên Nhi	25/10/2009	10A4			
22	000286	Võ Ngọc Nhi	21/10/2009	10A8			
23	000287	Lê Nguyễn Hoàng Nhi	24/02/2009	10A7			
24	000288	Võ Quỳnh Thảo Nhi	06/08/2009	10A6			

DANH SÁCH HS KHỐI 10 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 13

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000289	Đào Thị Yến Nhi	19/02/2009	10A6			
2	000290	Duy Ý Nhi	07/06/2009	10A1			
3	000291	Lê Yến Nhi	26/04/2009	10A9			
4	000292	Trần Yến Nhi	22/11/2009	10A3			
5	000293	Lê Thị My Nhon	06/10/2009	10A8			
6	000294	Trương Văn Nhơn	10/12/2009	10A11			
7	000295	Trần Đỗ Quỳnh Như	01/01/2009	10A7			
8	000296	Ngô Gia Như	25/03/2009	10A3			
9	000297	Trần Gia Như	13/10/2009	10A1			
10	000298	Lê Lâm Yến Như	26/02/2009	10A4			
11	000299	Vũ Ngọc Quỳnh Như	19/01/2009	10A5			
12	000300	Nguyễn Ngọc Tâm Như	09/09/2009	10A5			
13	000301	Phạm Quỳnh Như	15/07/2009	10A3			
14	000302	Trần Thị Bích Như	19/10/2009	10A5			
15	000303	Nguyễn Thị Quỳnh Như	30/04/2009	10A5			
16	000304	Nguyễn Thị Quỳnh Như	11/08/2009	10A11			
17	000305	Trần Thị Quỳnh Như	13/07/2009	10A3			
18	000306	Lại Vũ Quỳnh Như	26/06/2009	10A7			
19	000307	Nguyễn Bửu Niên	29/11/2009	10A1			
20	000308	Dương Vũ Hoàng Phát	24/04/2009	10A10			
21	000309	Nguyễn Huỳnh Quốc Phi	10/04/2009	10A8			
22	000310	Phan Thanh Phong	18/11/2009	10A9			
23	000311	Ngô Đại Phú	02/04/2009	10A10			
24	000312	Hồ Gia Phú	18/05/2009	10A7			

DANH SÁCH HS KHỐI 10 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 14

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000313	Trần Hoàng Phú	27/10/2009	10A7			
2	000314	Mô Lô Y Phú	03/07/2009	10A7			
3	000315	Nguyễn Thành Phú	04/10/2009	10A9			
4	000316	Ngô Bảo Phúc	13/09/2009	10A2			
5	000317	Trương Đoàn Phúc	26/06/2009	10A10			
6	000318	Đặng Lê Thiên Phúc	19/05/2009	10A6			
7	000319	Cao Hữu Phước	05/12/2009	10A3			
8	000320	Huỳnh Thiên Phước	06/07/2009	10A11			
9	000321	Trần Hồ Ngọc Phương	08/10/2009	10A5			
10	000322	Nguyễn Phương Phương	15/11/2009	10A2			
11	000323	Hồ Võ Yến Phương	10/01/2009	10A3			
12	000324	Nguyễn Gia Phượng	02/05/2009	10A3			
13	000325	Huỳnh Trần Khánh Quang	10/02/2009	10A1			
14	000326	Nguyễn Hoàng Quân	16/05/2009	10A10			
15	000327	Trần Mạnh Cường Quân	05/05/2009	10A10			
16	000328	Đinh Tướng Quốc	12/12/2008	10A7			
17	000329	Trần Thị Thúy Quy	08/01/2009	10A7			
18	000330	Đào Tấn Quý	31/05/2009	10A6			
19	000331	Châu Lê Hoàng Quyên	16/05/2009	10A7			
20	000332	Nguyễn Nhật Thảo Quyền	03/02/2009	10A4			
21	000333	Nguyễn Dương Phương Quỳnh	20/10/2009	10A10			
22	000334	Dương Đào Nhật Quỳnh	27/07/2009	10A7			
23	000335	Nguyễn Như Quỳnh	21/06/2009	10A9			
24	000336	Tôn Nữ Diễm Quỳnh	01/02/2009	10A8			

DANH SÁCH HS KHỐI 10 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 15

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000337	Hồ Thị Như Quỳnh	23/08/2009	10A11			
2	000338	Nguyễn Vân Như Quỳnh	08/09/2009	10A8			
3	000339	Nguyễn Linh Sang	21/01/2009	10A6			
4	000340	Lê Thị Bích Sang	29/06/2009	10A10			
5	000341	Đỗ Thị Sang Sang	28/05/2009	10A1			
6	000342	Võ Ngọc Thái Sơn	15/05/2009	10A6			
7	000343	Đỗ Lê Phú Sỹ	05/12/2009	10A11			
8	000344	Trần Đức Tài	21/06/2009	10A8			
9	000345	Nguyễn Tấn Tài	31/01/2009	10A7			
10	000346	Nguyễn Hoàng Ý Tâm	26/02/2009	10A9			
11	000347	Phạm Hữu Tâm	06/09/2009	10A11			
12	000348	Huỳnh Thanh Tâm	22/02/2009	10A10			
13	000349	Trương Đình Bảo Thạch	07/09/2009	10A10			
14	000350	Đào Đức Duy Thái	10/01/2009	10A1			
15	000351	Trần Quốc Thái	08/08/2009	10A5			
16	000352	Trần Trọng Thái	05/05/2009	10A6			
17	000353	Nguyễn Đặng Ngọc Thanh	22/04/2009	10A2			
18	000354	Phạm Hồng Thanh	21/08/2009	10A3			
19	000355	Nguyễn Duy Thành	22/11/2009	10A2			
20	000356	Nguyễn Minh Thành	28/05/2009	10A2			
21	000357	Nguyễn Ngọc Thành	12/01/2008	10A1			
22	000358	Cao Thuận Thành	15/10/2009	10A10			
23	000359	Nguyễn Xuân Thành	18/05/2009	10A9			
24	000360	Lê Trung Thạnh	29/06/2009	10A10			

DANH SÁCH HS KHỐI 10 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 16

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000361	Trần Đặng Nguyên Thảo	06/07/2009	10A5			
2	000362	Nguyễn Minh Thảo	25/02/2009	10A3			
3	000363	Dương Phan Đăng Thảo	17/12/2009	10A7			
4	000364	Lê Thanh Thảo	24/10/2009	10A10			
5	000365	Nguyễn Thất Thảo	21/06/2009	10A3			
6	000366	Võ Thị Thanh Thảo	15/03/2009	10A8			
7	000367	Trần Thụy Kim Thảo	12/10/2009	10A4			
8	000368	Trần Đặng Nam Thắng	30/10/2009	10A7			
9	000369	Đặng Hoàng Thắng	10/11/2009	10A7			
10	000370	Đỗ Cao Gia Thiên	21/08/2009	10A6			
11	000371	Võ Nhất Thiên	24/03/2009	10A8			
12	000372	Đào Quang Bảo Thiên	02/09/2009	10A4			
13	000373	Đỗ Quốc Thiên	26/10/2009	10A10			
14	000374	Trần Trọng Thiên	01/06/2009	10A1			
15	000375	Nguyễn Chí Thiện	16/10/2009	10A1			
16	000376	Nguyễn Đức Thiện	18/01/2009	10A10			
17	000377	Trương Hùng Thiện	20/05/2009	10A11			
18	000378	Lê Ngọc Thiện	13/07/2009	10A8			
19	000379	Nguyễn Công Phú Thịnh	21/06/2009	10A11			
20	000380	Võ Đức Thịnh	12/05/2009	10A1			
21	000381	Nguyễn Lê Hưng Thịnh	26/05/2009	10A9			
22	000382	Phan Lê Kim Thoa	05/05/2009	10A3			
23	000383	Nguyễn Đặng Đức Thuận	05/10/2009	10A9			
24	000384	Phạm Nguyễn Minh Thuận	20/03/2009	10A2			

DANH SÁCH HS KHỐI 10 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 17

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000385	Lê Quang Thuận	14/06/2009	10A7			
2	000386	Võ Thiện Thuật	15/05/2009	10A9			
3	000387	Lê Thanh Thùy	28/04/2009	10A11			
4	000388	Trương Thị Biên Thùy	08/04/2009	10A6			
5	000389	Nguyễn Bích Thủy	13/08/2009	10A4			
6	000390	Đặng Đào Sơn Thủy	24/03/2009	10A4			
7	000391	Danh Thị Bích Thủy	02/06/2009	10A2			
8	000392	Đặng Trần Anh Thụy	06/08/2009	10A6			
9	000393	Lê Anh Thư	10/02/2009	10A1			
10	000394	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	15/05/2009	10A5			
11	000395	Hà Kim Thư	25/12/2009	10A7			
12	000396	Lê Nguyễn Hoài Thư	09/02/2009	10A5			
13	000397	Đỗ Nguyễn Minh Thư	18/01/2009	10A11			
14	000398	Ngô Quỳnh Minh Thư	26/01/2009	10A5			
15	000399	Phạm Thị Kim Thư	05/01/2009	10A7			
16	000400	Lê Thị Minh Thư	21/01/2009	10A5			
17	000401	Võ Trần Hoàng Thư	24/04/2009	10A6			
18	000402	Đỗ Thị Ngân Thương	13/03/2009	10A4			
19	000403	Mai An Tiêm	28/01/2009	10A2			
20	000404	Hồ Diệp Thủy Tiên	25/01/2009	10A1			
21	000405	Lê Hoàng Hà Tiên	21/12/2008	10A1			
22	000406	Võ Ngọc Bảo Tiên	12/07/2009	10A8			
23	000407	Huỳnh Thủy Tiên	19/10/2009	10A4			
24	000408	Ngô Trần Minh Tiên	11/10/2009	10A1			

DANH SÁCH HS KHỐI 10 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 18

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000409	Nguyễn Hòa Tiến	02/06/2009	10A8			
2	000410	Trần Ngọc Tiến	28/04/2009	10A7			
3	000411	Nguyễn Thành Tiến	07/06/2009	10A4			
4	000412	Nguyễn Trần Bảo Tiến	08/08/2009	10A8			
5	000413	Lê Xuân Tiến	15/10/2009	10A11			
6	000414	Bùi Nguyễn Kim Tiền	02/06/2009	10A5			
7	000415	Nguyễn Thị Mai Tiền	27/08/2009	10A2			
8	000416	Nguyễn Chánh Tín	30/12/2009	10A11			
9	000417	Bùi Đắc Tín	17/09/2009	10A4			
10	000418	Nguyễn Đức Tín	07/03/2009	10A4			
11	000419	Nguyễn Đức Tín	18/12/2009	10A11			
12	000420	Lê Hoàng Tín	14/11/2009	10A1			
13	000421	Đoàn Lê Thiên Tín	19/08/2009	10A6			
14	000422	Võ Trường Tinh	25/08/2009	10A1			
15	000423	Lê Thị Tố Tình	27/05/2009	10A6			
16	000424	Dương Duy Toàn	31/07/2009	10A5			
17	000425	Lê Quốc Toàn	09/01/2009	10A11			
18	000426	Nguyễn Ngọc Hòa Trang	01/05/2009	10A4			
19	000427	Bùi Nhật Mai Trang	29/07/2009	10A8			
20	000428	Võ Hạ Trâm	09/03/2009	10A5			
21	000429	Nguyễn Huỳnh Bảo Trâm	09/01/2009	10A6			
22	000430	Nguyễn Lê Bảo Trâm	01/08/2009	10A9			
23	000431	Ngô Ngọc Bích Trâm	05/10/2009	10A4			
24	000432	Hồ Nguyễn Quỳnh Trâm	12/02/2009	10A6			

DANH SÁCH HS KHỐI 10 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 19

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000433	Ngô Thị Ngọc Trâm	05/10/2009	10A7			
2	000434	Võ Hoàng Phương Trân	10/04/2009	10A9			
3	000435	Dương Lê Bảo Trân	11/10/2009	10A3			
4	000436	Huỳnh Lê Bảo Trân	20/09/2009	10A1			
5	000437	Trần Nguyễn Tú Trân	05/12/2009	10A9			
6	000438	Lê Thị Ngọc Trân	13/05/2009	10A5			
7	000439	Đào Minh Triết	26/08/2009	10A9			
8	000440	Huỳnh Minh Triết	22/10/2009	10A11			
9	000441	Trần Minh Triệu	27/12/2009	10A5			
10	000442	Nguyễn Mai Kiều Trinh	06/09/2009	10A3			
11	000443	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	03/02/2009	10A3			
12	000444	Huỳnh Diệp Thanh Trúc	01/03/2009	10A3			
13	000445	Nguyễn Thị Thanh Trúc	07/09/2009	10A6			
14	000446	Đặng Khánh Trung	10/07/2009	10A9			
15	000447	Nguyễn Lê Hoài Trung	19/07/2009	10A9			
16	000448	Phan Nguyễn Xuân Trường	11/04/2009	10A11			
17	000449	Lê Quốc Trường	04/06/2009	10A7			
18	000450	Huỳnh Tấn Trường	10/10/2009	10A9			
19	000451	Phạm Đình Tú	29/06/2009	10A2			
20	000452	Nguyễn Ngô Trương Tú	08/11/2009	10A1			
21	000453	Ngô Phùng Nhật Tú	26/11/2009	10A2			
22	000454	Trần Anh Tuấn	16/05/2009	10A9			
23	000455	Đặng Thế Tùng	16/09/2009	10A8			
24	000456	Lê Hoàng Tuy	02/12/2008	10A2			

DANH SÁCH HS KHỐI 10 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 20

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000457	Nguyễn Thùy Thanh Tuyến	02/01/2009	10A4			
2	000458	Lê Bích Tuyền	29/12/2009	10A7			
3	000459	Võ Lưu Minh Tuyền	13/07/2009	10A7			
4	000460	Phạm Thị Bích Tuyền	10/09/2009	10A6			
5	000461	Trương Hoàng Ánh Tuyết	14/09/2009	10A2			
6	000462	Đặng Thu Tuyết	04/07/2009	10A9			
7	000463	Lê Ngọc Cát Tường	09/09/2009	10A8			
8	000464	Lê Phương Uyên	09/09/2009	10A7			
9	000465	Phạm Thảo Uyên	14/12/2009	10A8			
10	000466	Nguyễn Hoàng Gia Văn	08/07/2009	10A5			
11	000467	Hồ Tiến Văn	20/04/2009	10A11			
12	000468	Diệp Thụy Tường Vân	21/07/2009	10A11			
13	000469	Lại Phan Tường Vi	27/11/2009	10A6			
14	000470	Trần Thị Thảo Viên	23/09/2009	10A9			
15	000471	Tô Hoàng Việt	25/06/2009	10A2			
16	000472	Đinh Bá Lê Vinh	20/10/2009	10A2			
17	000473	Trần Bảo Vinh	09/11/2009	10A1			
18	000474	Lê Lữ Gia Vinh	29/12/2009	10A1			
19	000475	Phan Văn Kỳ Vọng	12/08/2009	10A6			
20	000476	K Đinh Hoàng Vũ	11/08/2009	10A5			
21	000477	Lê Nguyễn Hoàng Vũ	07/09/2009	10A5			
22	000478	Hồ Khai Vương	02/01/2009	10A1			
23	000479	Lê Thanh Vương	17/12/2009	10A1			
24	000480	Nguyễn Bùi Lê Vy	23/05/2009	10A11			

DANH SÁCH HS KHỐI 10 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 21

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000481	Lê Ngọc Tường Vy	02/01/2009	10A7			
2	000482	Lê Nguyễn Tường Vy	18/12/2009	10A3			
3	000483	Trần Thảo Vy	26/11/2009	10A2			
4	000484	Phan Thị Hà Vy	05/03/2009	10A9			
5	000485	Cao Chí Vỹ	02/10/2009	10A1			
6	000486	Trần Chí Vỹ	06/02/2009	10A11			
7	000487	Võ Kỳ Vỹ	12/07/2009	10A11			
8	000488	Lương Triệu Vỹ	17/01/2009	10A7			
9	000489	Phan Thanh Xuân	13/01/2009	10A7			
10	000490	Đỗ Trường Xuân	25/04/2009	10A3			
11	000491	Lương Như Ý	13/10/2009	10A9			
12	000492	Nguyễn Như Ý	22/02/2009	10A9			
13	000493	Bùi Phúc Yên	11/08/2009	10A10			
14	000494	Hồ Tăng Minh Yên	26/04/2009	10A3			
15	000495	Bùi Hoàng Yến	03/02/2009	10A3			
16	000496	Nguyễn Hoàng Yến	31/03/2009	10A6			
17	000497	Phạm Lê Hải Yến	10/07/2009	10A7			
18	000498	Hồ Thị Hải Yến	16/10/2009	10A5			